

All About Gaming

Inspired by the rigorous quality testing in the production of the MSI Gaming series, the MSI design is full of symbols of sturdiness and durability. Additionally, to provide a quality user experience, the MSI gaming series has a straightforward installation process and a friendly user interface and will be the best choice for entry-level gamers to step into the game world.



Picture and logos

SELLING POINTS

- Tấm nền Rapid IPS - Đem đến thời gian đáp ứng nhanh GTG 1ms, Tối ưu màu sắc và độ sáng màn hình.
- Tần số quét hình 180Hz - Đáp ứng nhanh hơn với khung hình mượt mà hơn.
- Thời gian đáp ứng GTG 1ms - Xóa bỏ xé hình và giật hình.
- Dải màu rộng - Màu cho game và các chi tiết trở nên chân thực và sát sao hơn
- Adaptive-sync - Ngăn chặn hiện tượng xé hình hoặc giật hình, mang lại trải nghiệm chơi game cực kỳ mượt mà, không bị lag.
- Night Vision; Tinh chỉnh màu đen thông minh để có thể nhìn thấy mọi chi tiết rõ ràng trong bóng tối.
- Thiết kế không viền - Đem đến trải nghiệm game đỉnh cấp với viền màn hình siêu hẹp.
- Chống chớp hình và giảm ánh sáng xanh - Chơi game thời gian dài cũng không bị mỏi mắt hay gặp các vấn đề về mắt khác.
- Góc nhìn rộng lên đến 178°; Màu sắc và chi tiết vẫn sắc nét ở góc nhìn lớn nhờ vào góc nhìn rộng đến 178°.



1. 5-way joystick navigator
2. DC-in
3. 1 x Display Port (1.4)
4. 2 x HDMI™ (2.0b)
5. Headphone out
6. Kensington lock

SPECIFICATION

Model	SKU Number	0
	Part No	9S6-3CD39T-014
	Color	ID1/Black-Black
	MKT Name	G272QPF E2
	MKT Spec	G272QPF E2
	Model	3CD3
Power	Power Type	External Adaptor 20V 2.25A
	Power Input	100~240V, 50/60Hz
	On-mode Power Consumption (KWh/1000h)	26
	Standby-mode Power Consumption (W)	0.5
	Off-mode Power Consumption (W)	0.3
	Energy Efficiency Rating	F
Design	Power Cord Type	C5
	Adjustment (Tilt)	-5° ~ 20°
	Adjustment (Swivel)	-30° ~ 30°
	Adjustment (Height)	0 ~ 130 mm
	Adjustment (Pivot)	-90° ~ 90°
	VESA Mounting	100x100mm
Dimension & Weight	Frameless Design	Yes
	Inside Carton Dimension (WxDxH) (inch)	33.07 x 5.91 x 18.7
	Weight (Net kg)	6.3
Product Dimension with Stand (WxDxH)	Weight (Gross kg)	8.4
	Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)	613 x 228 x 409
Weight	Product Dimension with Stand (WxDxH) (inch)	24.13 x 8.98 x 16.1
	Weight Without Stand (kg)	3.8
Outer Carton Dimension (WxDxH)	Outer Carton Dimension (WxDxH) (inch)	33.66 x 6.5 x 19.69
Warranty	Warranty	36M
In The Box	3.5mm Mic Cable	0
	Switch Case	0
	Portable Screen Protection Case	0
	Monitor Hood	0
	Speaker (Accessories)	0
	DisplayPort Cable	1
	HDMI Cable	0
	DVI Cable	0
	USB Type A to Type B Cable	0
	USB Type C to Type A Cable	0
	USB Type C to Type C Cable	0
	Thunderbolt Cable	0
	VGA Cable	0
	3.5mm audio Cable	0
	3.5mm combo audio Cable	0
	Mouse Bungee Unit	0
	VESA Screw	4
	Power Cord	1
	AC Adaptor	1
	Warranty Card	0
Quick Guide	1	
Barcode Info	EAN	4711377141765

Display	Screen Size	27" (69 cm)
	Active Display Area (mm)	596.736(H) x 335.664(V)
	Curvature	Flat
	Panel Type	Rapid IPS
	Resolution	2560x1440 (WQHD)
	Pixel pitch (mm)	0.2331(H)x0.2331(V)
	HDR (High dynamic range)	HDR Ready
	Refresh Rate	180Hz
	Response Time (MPRT)	1ms(MPRT)
	Response Time (GTG)	5ms
	View Angles	178°(H)/178°(V)
	sRGB (CIE1976 area percentage/overlap)	125%/99%
	sRGB (CIE1931 area percentage/overlap)	127%/100%
	Adobe RGB (CIE1976 area percentage/overlap)	107%/90%
	Adobe RGB (CIE1931 area percentage/overlap)	94%/84%
	DCI-P3 (CIE1976 area percentage/overlap)	99%/94%
	DCI-P3 (CIE1931 area percentage/overlap)	94%/92%
	Rec.709 (CIE1976 area percentage/overlap)	125%/99%
	Rec.709 (CIE1931 area percentage/overlap)	127%/100%
	Rec.2020 (CIE1976 area percentage/overlap)	72%/71%
	Rec.2020 (CIE1931 area percentage/overlap)	67%/67%
	Display Colors	1.07B
	Color bit	10 bits (8 bits + FRC)
	Aspect Ratio	16:9
	Dynamic Refresh Rate technology	Adaptive-Sync
	Dynamic Refresh Rate Activated Range	48~180Hz
	SDR Brightness (nits)	300
	Contrast Ratio	1200:1
	DCR (Dynamic Contrast Ratio)	100000000:1
	Signal Frequency	64.56~266.4 KHz(H) / 48~180 Hz(V)
	NTSC (CIE1976 area percentage/overlap)	109%/86%
	NTSC (CIE1931 area percentage/overlap)	90%/82%
Surface Treatment	Anti-glare	
Dimension & Weight (box)	Inside Carton Dimension (WxDxH) (cm)	84 x 15 x 47.5
	Outer Carton Dimension (WxDxH) (cm)	85.5 x 16.5 x 50
	Weight (Gross kg)	8.4
I/O Ports	Headphone-out	1
	Lock type	Kensington Lock
	HDMI	2
	HDMI version	2.0b
	HDMI HDCP version	2.3
	DisplayPort	1
	DisplayPort version	1.4
DisplayPort HDCP version	2.3	
Dimension & Weight (product)	Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)	613 x 228 x 409
	Product Dimension without Stand (WxDxH) (mm)	613 x 61 x 369
	Stand Dimension (WxDxH) (mm)	309 x 228 x 391
	Weight (Net kg)	6.3
	Weight Without Stand (kg)	3.8